TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2025/DS-PT
Ngày 06-02-2025
Về việc tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;
Ông Nguyễn Văn Dũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2024/DS-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20/2024/DS-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số C, đường H, Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 25-10-2024, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Huỳnh Thị Diệu O** - Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trịnh Huỳnh T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2.2. Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1984 (có mặt) và bà **Lâm Thị Hằng N1**, sinh năm 1988 (vắng mặt). Địa chỉ: Số A, ấp C,thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày

06/02/2025).

3. Người kháng cáo: Ông Trịnh Huỳnh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày và yêu cầu như sau*:

Do ông C và ông T là chỗ quen biết nên ông T có mượn tiền ông C nhiều lần, không có làm giấy tờ nhưng giao dịch thông qua chuyển khoản qua Ngân hàng. Việc chuyển khoản mượn và chuyển khoản trả qua lại rất nhiều lần, trong thời gian dài nên ông không nhớ được số tiền đã cho mượn là bao nhiêu, số tiền ông T đã chuyển trả là bao nhiêu bởi vì ông T khi trả gốc có trả cả tiền lãi nên giữa số tiền mà ông C chuyển cho mượn và số tiền ông T chuyển trả có sự chênh lệnh. Tuy nhiên, đến ngày 11-11-2023, ông T đã nhắn tin xác nhận với ông C còn nợ ông C 2.600.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng ông Trịnh Huỳnh T và bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ cho ông Huỳnh Ngọc C là 2.600.000.000 đồng *(hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* và trả số tiền lãi vay từ ngày vay 10-11-2023 đến ngày 05-12-2023 là 25 ngày, mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi là 35.996.666 đồng *(ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*. Đồng thời, yêu cầu ông T và bà M phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05-12-2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-6-2024, ông Huỳnh Ngọc C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần trách nhiệm liên đới trả nợ của bị đơn bà Huỳnh Thị M; đồng thời, rút lại yêu cầu về việc trả lãi; chỉ yêu cầu buộc ông Trịnh Huỳnh T trả cho ông số tiền là 2.600.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Huỳnh T, bà Huỳnh Thị M và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2024, ông T trình bày:

Ông thừa nhận có nhận từ ông Huỳnh Ngọc C số tiền qua chuyển khoản, còn lại chưa trả là 2.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc nhận tiền là để hùn vốn làm ăn với nhau chứ ông không có vay tiền của ông C, không có hợp đồng vay nên không có thỏa thuận về lãi suất. Ông đồng ý trả cho ông C 2.600.000.000 đồng, còn tiền lãi thì không đồng ý trả. Vợ của ông là bà Huỳnh Thị M hoàn toàn không biết vì việc ông nhận tiền qua tài khoản cá nhân. Sau khi nhận tiền thì ông chuyển sang cho ông Nguyễn Vĩnh L để làm ăn, không có bàn bạc gì với vợ ông nên vợ ông không có nghĩa vụ trong việc này.

- Tại Tờ tường trình ngày 06-5-2024 và tại phiên tòa, ông Trịnh Huỳnh T và người đại diện của ông T, bà M trình bày:

Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì ông không có vay tiền của ông C. Thực chất trước đây ông T và ông C có hùn vốn làm ăn với nhau chứ không có vay tiền. Tuy nhiên, qua sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện ông T cũng đã chuyển tiền trả lại cho ông C số tiền chênh lệch lớn hơn số tiền mà ông T nhận từ ông C nên không có nợ ông C. Do đó, ông T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lãi và trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Huỳnh Thị M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trịnh Huỳnh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C số tiền 2.600.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/10/2024, bị đơn ông Trịnh Huỳnh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc C về việc buộc ông phải trả cho ông Huỳnh Ngọc C số tiền là 2.600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N không rút đơn khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Ú không rút lại đơn kháng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của ông Trịnh Huỳnh T làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trịnh Huỳnh T, bà Huỳnh Thị M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu các bị đơn trả lãi; đồng thời, rút lại yêu cầu buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M liên đới cùng với ông Trịnh Huỳnh T trả số tiền nợ 2.600.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên HĐXX cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn khởi kiên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Huỳnh T trả cho ông số tiền là 2.600.000.000 đồng.

[5] Bị đơn ông T khai: Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2024, ông T thừa nhận có nhận từ ông Huỳnh Ngọc C số tiền qua chuyển khoản, còn lại chưa trả là 2.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc nhận tiền là để hùn vốn làm ăn với nhau chứ ông không có vay tiền của ông C, không có hợp đồng vay nên không có thỏa thuận về lãi suất. Ông đồng ý trả cho ông C 2.600.000.000 đồng, còn tiền lãi thì không đồng ý trả. Vợ của ông là bà Huỳnh Thị M hoàn toàn không biết vì việc ông nhận tiền qua tài khoản cá nhân. Sau khi nhận tiền thì ông chuyển sang cho ông Nguyễn Vĩnh L để làm ăn, không có bàn bạc gì với vợ ông nên vợ ông không có nghĩa vụ trong việc này.

[6] Tại Tờ tường trình ngày 06-5-2024 và tại phiên tòa, ông Trịnh Huỳnh T và người đại diện của ông T, bà M trình bày: Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì ông không có vay tiền của ông C. Thực chất trước đây ông T và ông C có hùn vốn làm ăn với nhau chứ không có vay tiền. Tuy nhiên, qua sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện ông T cũng đã chuyển tiền trả lại cho ông C số tiền chênh lệch lớn hơn số tiền mà ông T nhận từ ông C nên không có nợ ông C. Do đó, ông T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

[7] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định thì ông C không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp không kháng nghị, chỉ có bị đơn ông Trịnh Huỳnh T kháng cáo, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo

của ông T.

[8] Xét kháng cáo của ông Trịnh Huỳnh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc C về việc buộc ông phải trả cho ông Huỳnh Ngọc C số tiền là 2.600.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm thì nhận thấy:

[8.1] Tại phiên tòa phúc thẩm và đơn kháng cáo thì đại diện theo ủy quyền của ông T không thừa nhận còn thiếu nợ ông C số tiền 2.600.000.000 đồng thì thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2024, bị đơn ông T thừa nhận có nhận của ông C số tiền qua chuyển khoản nhiều lần, số còn nợ được hai bên chốt đến ngày 11-11-2023 là 2.600.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông C số tiền trên, khi ông T thừa nhận còn nợ ông C đúng số tiền mà ông C yêu cầu thì ông C đã không còn nghĩa vụ phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau này, bị đơn ông T thay đổi lời khai cho rằng ông đã trả dứt số tiền trên cho ông C và ông C không thừa nhận có nhận số tiền 2.600.000.000 đồng thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh cho việc trả tiền cho ông C số trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8.2] Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cho rằng việc chuyển tiền qua lại giữa ông C và ông T theo bản kê chuyển tiền của ông C chuyển tiền cho ông T từ ngày 13-01-2023 đến ngày 20-11-2023 là 8.168.299.992 đồng. Theo bản kê chuyển tiền của ông T chuyển lại cho ông C từ ngày 09-01-2023 đến ngày 31-10-2023 là 10.772.879.985 đồng. Do đó, đại diện bị đơn cho rằng ông T không còn nợ tiền của ông C nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

[8.3] Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, ông Trịnh Huỳnh T khởi kiện ông Nguyễn Vĩnh L và ghi rõ nội dung năm 2022, ông T có mượn tiền của ông Võ Văn Q và ông Huỳnh Ngọc C để cho ông Nguyễn Vĩnh L mượn lại, thông qua chuyển khoản Ngân hàng cho ông L nhiều đợt với tổng số tiền là 9.200.000.000 đồng. Sau đó, ba bên có thỏa thuận miệng, khi nào ông L trả tiền cho ông T thì ông T sẽ trả lại cho ông Q và ông C. Tuy nhiên, hiện nay ông Q và ông C đã khởi kiện ông, nên ông buộc phải khởi kiện ông L để có đủ tiền thanh toán cho ông Q và ông C.

[8.4] Đối với Lời khai của ông Trịnh Huỳnh T về việc ông thừa nhận có nợ tiền ông Q, ông C và tiến hành khởi kiện ông Nguyễn Vĩnh L để thu hồi nợ từ ông L trả cho ông Q, ông C là có thật. Trong vụ án tranh chấp do ông Võ Văn Q khởi kiện, ông T cũng thừa nhận và đồng ý trả cho ông Q số tiền 4.000.000.000 đồng nhưng sau đó thay đổi ý kiến. Tòa án nhân dân hai cấp đã giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, đánh giá các tình tiết khách quan của sự việc và buộc ông Trịnh Huỳnh T phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Q 4.000.000.000 đồng. Trong vụ án này, từ những biểu hiện khách quan bên ngoài của giao dịch chuyển tiền giữa hai bên, tin nhắn chốt nợ của ông T gửi cho ông C, lời thừa nhận của ông T tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2024 và nội dung ông T tự khai khi khởi kiện ông Nguyễn Vĩnh L cho thấy việc ông T còn nợ tiền ông C 2.600.000.000 đồng là sự thật.

[8.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng sự chênh lệch tổng số tiền ông T chuyển cho ông C nhiều hơn số tiền ông C chuyển cho ông T trong một khoảng thời gian cố định thì bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh ông T đã trả dứt nợ. Thực tế, khi chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng là một hình thức thanh toán, có giá trị chứng minh riêng lẽ cho mỗi lần chuyển khoản là một lần giao nhận tiền giữa hai bên, không nói lên bản chất của giao dịch và không chứng minh được lần chuyển khoản sau là bù trừ hay thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho lần nhận chuyển khoản nào trước đó. Vì vậy, lập luận của bị đơn nêu trên chưa đủ căn cứ để Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận. Trường hợp bị đơn ông T chứng minh được những lần chuyển khoản cho ông C chưa được bù trừ, ông C phải có nghĩa vụ trả lại thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Từ những phân tích tại các tiểu mục [8.1] đến tiệu mục [8.5] mục [8] thì kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Huỳnh T là không có căn cứ để chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên bị đơn ông Trịnh Huỳnh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Huỳnh T . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lãi và trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Huỳnh Thị M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trịnh Huỳnh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C số tiền 2.600.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C không phải chịu án phí và đã được miễn nộp tạm ứng án phí.

3.2. Bị đơn ông Trịnh Huỳnh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 84.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007231, ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông T đã nộp xong.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng